

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

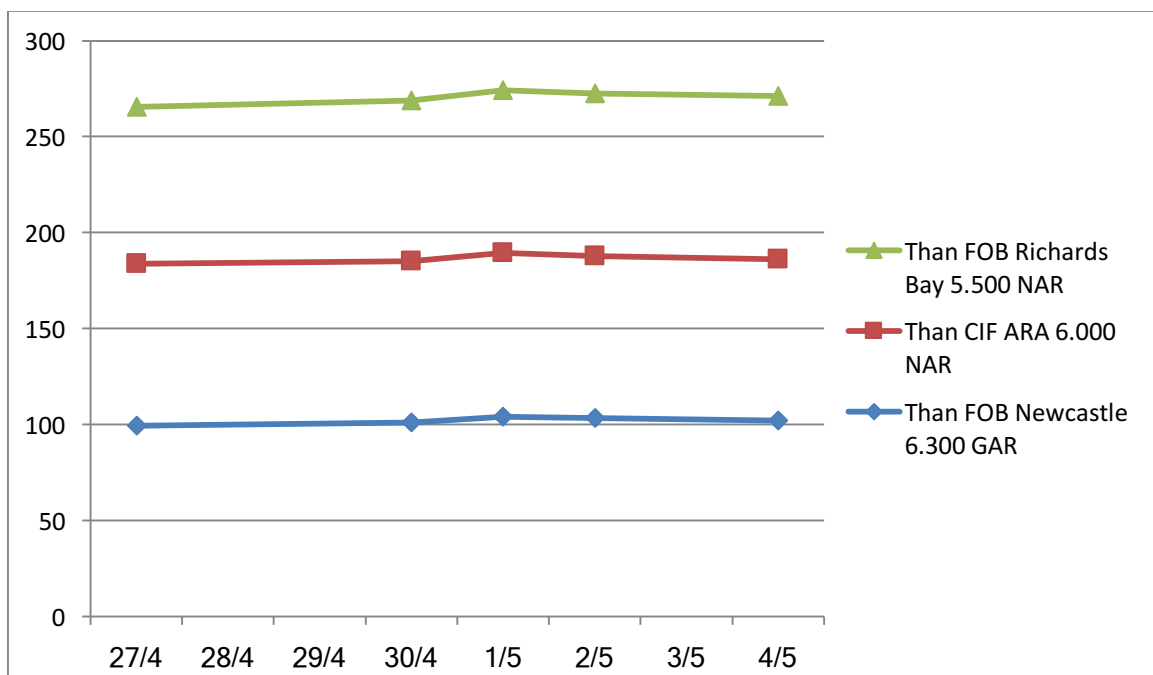
Ngày 09/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

| Chỉ số giá than | Giao ngay | +/- | Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày | +/- |
|----------------------------|-----------|-------|-----------------------------------|-------|
| FOB Newcastle 6.300 GAR | 101,90 | -0,20 | 100,50 | +0,10 |
| CIF ARA 6.000 NAR | 84,25 | +0,35 | 84,50 | +0,30 |
| FOB Richards Bay 5.500 NAR | 85,85 | +1,40 | N/A | N/A |
| FOB Kalimantan 5.900 GAR | N/A | N/A | 76,00 | -0,25 |
| FOB Kalimantan 5.000 GAR | N/A | N/A | 61,75 | -0,25 |

| Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc | USD/tấn | +/- | NDT/tấn | +/- |
|--------------------------------------|---------|-------|---------|-------|
| PCC6 (CFR South China 3.800 NAR) | 50,70 | -0,45 | 375,73 | -2,38 |
| PCC7 (CFR South China 4.700 NAR) | 69,45 | -0,20 | 439,91 | -0,61 |
| PCC8 (CFR South China 5.500 NAR) | 81,70 | 0,00 | 517,50 | +0,77 |

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 04/05/2018)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than Mỹ năm 2018 ước tính đạt 751 triệu tấn

Ngày 8/5, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ đã dự báo tổng sản lượng than của nước này có thể đạt 751,2 triệu tấn trong năm 2018, tăng 1,7% so với dự báo trong tháng trước đó nhưng vẫn thấp hơn 2,7% so với con số 772 triệu tấn than được sản xuất trong năm ngoái. Trong năm 2019, dự báo tổng sản lượng than có thể đạt 752 triệu tấn. Sản lượng than dùng cho sản xuất điện được dự báo đạt 640 triệu tấn trong năm 2018 và 633 triệu tấn trong năm 2019, giảm từ con số 665 triệu tấn trong năm 2017.

Trong năm 2018, các công ty dự báo điện than sẽ chiếm 28,7% tổng sản lượng điện tại Mỹ, và 28,5% trong năm 2019. Điện than đã chiếm 30,1% sản lượng điện của Mỹ trong năm 2017. Điện khí gas dự báo chiếm 33,6% sản lượng điện năm 2018 và 34,2% trong năm 2019 tăng từ con số 31,6% trong năm 2017. Sự gia tăng này chủ yếu nhờ phát triển sản xuất khí gas tự nhiên, dự báo đạt trung bình 80,5 Bcf/d trong năm 2018 và 83,3 Bcf/d trong năm 2019, mức trung bình năm 2017 là 73,6 Bcf/d. Than xuất khẩu dự tính sẽ đạt 88,1 triệu tấn trong năm 2018 và 84,6 triệu tấn trong năm 2019 so với con số 97 triệu tấn trong năm 2017.

Nhu cầu tiêu thụ than nhiệt tại Châu Âu thấp

Thị trường than nhiệt Châu Âu cuối tuần trước khá ảm đạm do nhu cầu thấp trong khi than Richards Bay Nam Phi vẫn giữ được giá thầu cao. Một công ty môi giới tại Anh cho biết than Nga và Mỹ vẫn được chào giá tốt nhưng thị trường tại Nga có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi ngày lễ quốc gia của Nga trong tuần này. Các công ty tại Mỹ có thể tiếp tục giữ giá than thấp để giữ vị thế trên thị trường trong khi giá chào của than Nga cũng rất hấp dẫn.

Một công ty Comlombia cho biết nguồn cung đang khan hiếm do mưa lớn ảnh hưởng đều này khiến các thị trường khác như Trung và Nam Mỹ hấp dẫn hơn thị trường Châu Âu hiện nay. Một công ty Thụy Sĩ cho biết, thị trường đang không phản ứng dựa trên nhu cầu mà chủ yếu dựa trên chỉ số giá được ấn định giữa một số công ty lớn trên thị trường. Giá của 2 chuyến hàng giao tháng 7, than từ nhiều nguồn nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR ở mức 85,25 USD/tấn và 85,50 USD/tấn. Trong phiên giao dịch cuối tuần qua, 1 chuyến hàng giao trong tháng 6, chất lượng như trên được giao dịch tại mức 84,50 USD/tấn và 84 USD/tấn. Theo S&P Global Platts, giá than 6.000 kcal/kg NAR, 15-60 ngày đạt 84,25 USD/tấn, CIF ARA tăng 35 cents trong ngày.

Lượng than xuất từ cảng Richards Bay (RBCT) tăng

Tính trong cả tuần trước, đã có 9 tàu chở than xuất phát từ cảng Richard Bay, tăng từ 7 tàu trong tuần trước đó mặc dù nguồn cung tại Nam Phi đang khan hiếm. Hầu hết các chuyến hàng này thuộc các hợp đồng dài hạn trong khi nguồn cung giao lẻ khan hiếm. Than giao lẻ tháng 5 hầu như đã được bán hết và hiện tại rất khó để có hàng ngay, ngoài ra các công ty muốn tìm hàng đặt trong tháng 6 nhưng giá vẫn rất đắt. Hiện tại đã có 3 chuyến hàng hướng đến cảng Singapore, bằng số chuyến trong tuần trước đó. Theo đó, Singapore là điểm đến của hầu hết các tàu từ RBCT trong suốt 3 tháng qua, bao gồm 12 tàu chở than hoàn toàn và 10 tàu chở than 1 phần đã cập cảng. Số tàu đến Ấn Độ cũng tăng trong tuần vừa qua, với 2 chuyến khởi hành đến Krishnapatnam, và 1 chuyến khởi hành đến Paradip, trong khi tuần trước không có tàu này. Có 3 tàu khởi hành đến Pakistan, 1 tàu đến Brazil, và 1 tàu đến Tây Ban Nha. Tổng lượng than vận chuyển đạt 823.000 tấn, tăng từ con số 399.931 tấn trong tuần trước đó.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

| Cỡ tàu | Điểm xuất phát | Điểm đến | Cước phí | Đơn vị: USD/tấn | Thay đổi |
|-----------------|-----------------|------------|----------|-----------------|----------|
| Capesize | Úc | Trung Quốc | 9.35 | | +0,00 |
| (150.000 tấn) | Queensland | Nhật Bản | 10.95 | | +0,00 |
| | New South Wales | Hàn Quốc | 11.50 | | +0,00 |
| Panamax | Richards Bay | Tây Ấn Độ | 13,00 | | +0,00 |
| (70.000 tấn) | Kalimantan | Tây Ấn Độ | 9,60 | | +0,35 |

| | | | |
|--------------|------------|-------|-------|
| Richards Bay | Đông Ấn Độ | 13,20 | +0,00 |
| Kalimantan | Đông Ấn Độ | 8,10 | +0,35 |
| Úc | Trung Quốc | 12,15 | +0,00 |
| Úc | Ấn Độ | 13,75 | +0,00 |

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 04/05/2018)